

ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN NGÔ QUYỀN

Số: 2539/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quận Ngô Quyền, ngày 15 tháng 10 năm 2024



**QUYẾT ĐỊNH**

Về kinh phí tiết kiệm 5% chi thường xuyên theo  
Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 07/8/2024 của Chính phủ

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 07/8/2024 của Chính phủ về phạm vi, đối tượng tiết kiệm 5% chi thường xuyên năm 2024; Văn bản số 8349/BTC-HCSN ngày 07/8/2024 của Bộ Tài chính về việc triển khai theo Nghị quyết số 119/NQ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 3259/QĐ-UBND ngày 17/9/2024 của UBND thành phố về kinh phí tiết kiệm 5% chi thường xuyên theo Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 07/8/2024 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 3998/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND Quận Ngô Quyền về việc dự toán ngân sách nhà nước Quận Ngô Quyền năm 2024;

Theo Báo cáo đề xuất của Phòng Tài chính - Kế hoạch.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thực hiện cắt giảm, tiết kiệm 5% chi thường xuyên năm 2024 của các đơn vị theo Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 07/8/2024 của Chính phủ và Văn bản số 8349/BTC-HCSN ngày 07/8/2024 của Bộ Tài chính.

(Có biểu chi tiết kèm theo)

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện:

1. Căn cứ kinh phí thực hiện cắt giảm, tiết kiệm, Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng các quy định tại Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 07/8/2024 của Chính phủ và Văn bản số 8349/BTC-HCSN ngày 07/8/2024 của Bộ Tài chính.

2. Đề nghị Kho bạc Nhà nước Hải Phòng thực hiện kiểm soát chi theo quy định.

**Điều 3.** Các ông (bà): Chánh Văn phòng HĐND và UBND quận, Trưởng phòng Phòng Tài chính - Kế hoạch quận, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Hải

Phòng và Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND quận,
- Như Điều 3,
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Tuấn

# TỔNG HỢP KINH PHÍ TIẾT KIỂM 5% CHI THƯỜNG XUYÊN

Đơn vị tính: triệu đồng

| STT | SỰ NGHIỆP                              | Số tiết kiệm 5% chi thường xuyên |                                |             |              |              | Ghi chú |
|-----|----------------------------------------|----------------------------------|--------------------------------|-------------|--------------|--------------|---------|
|     |                                        | Khối trường học                  | Khối Đảng, đoàn thể, phòng ban | Khối phường | Còn tại quận | CỘNG         |         |
| 1   | Sự nghiệp giáo dục                     | 732                              | 5                              |             |              | 737          |         |
| 2   | Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề          | 11                               | 3                              |             |              | 14           |         |
| 3   | Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội  |                                  | 32                             | 14          |              | 46           |         |
| 4   | Chi quốc phòng                         |                                  | 57                             |             |              | 57           |         |
| 5   | Chi y tế, dân số và gia đình           |                                  |                                |             | 10           | 10           |         |
| 6   | Chi văn hóa - thông tin                |                                  | 2                              | 32          | 77           | 111          |         |
| 7   | Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn |                                  |                                | 6           | 15           | 21           |         |
| 8   | Chi thể dục - thể thao                 |                                  | 12                             | 11          |              | 23           |         |
| 9   | Chi bảo vệ môi trường                  |                                  | 1                              | 20          |              | 21           |         |
| 10  | Chi sự nghiệp kinh tế                  |                                  | 23                             | 40          | 634          | 697          |         |
| 11  | Chi QLHC, Đảng, Đoàn thể, HĐND         |                                  | 285                            | 150         |              | 435          |         |
| 12  | Chi đảm bảo xã hội                     |                                  |                                | 30          | 40           | 70           |         |
| 13  | Chi thường xuyên khác                  |                                  |                                | 43          |              | 43           |         |
|     | <b>TỔNG</b>                            | <b>743</b>                       | <b>420</b>                     | <b>346</b>  | <b>776</b>   | <b>2.285</b> |         |



**TỔNG HỢP KINH PHÍ TIẾT KIỆM 5% CHI THƯỜNG XUYÊN  
- KHỐI ĐẢNG, ĐOÀN THỂ, PHÒNG, BAN VÀ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

| TT       | Đơn vị                                                                   | Số tiết kiệm 5%<br>chi thường xuyên | Ghi chú |
|----------|--------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|---------|
|          | <b>TỔNG CỘNG</b>                                                         | <b>683</b>                          |         |
| <b>A</b> | <b>KHỐI ĐẢNG, ĐOÀN THỂ, PHÒNG, BAN</b>                                   | <b>420</b>                          |         |
| <b>1</b> | <b>Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>                           | <b>8</b>                            |         |
|          | Phòng Giáo dục và đào tạo                                                | 5                                   |         |
|          | Trung tâm chính trị                                                      | 3                                   |         |
| <b>2</b> | <b>Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội</b>                             | <b>32</b>                           |         |
|          | Phòng Kinh tế                                                            | 3                                   |         |
|          | Công an quận                                                             | 29                                  |         |
| <b>3</b> | <b>Chi quốc phòng</b>                                                    | <b>57</b>                           |         |
|          | BCH Quận sự                                                              | 57                                  |         |
| <b>4</b> | <b>Chi văn hóa - thông tin</b>                                           | <b>2</b>                            |         |
|          | TT Văn hóa thông tin và thể thao                                         | 2                                   |         |
| <b>5</b> | <b>Chi thể dục - thể thao</b>                                            | <b>12</b>                           |         |
|          | TT Văn hóa thông tin và thể thao                                         | 12                                  |         |
| <b>6</b> | <b>Chi bảo vệ môi trường</b>                                             | <b>1</b>                            |         |
|          | Phòng Tài nguyên môi trường                                              | 1                                   |         |
| <b>7</b> | <b>Chi sự nghiệp kinh tế</b>                                             | <b>23</b>                           |         |
|          | Phòng Quản lý đô thị                                                     | 5                                   |         |
|          | Phòng Tài nguyên môi trường                                              | 18                                  |         |
| <b>8</b> | <b>Chi QLHC, Đảng, Đoàn thể, HĐND</b>                                    | <b>285</b>                          |         |
|          | Quận ủy                                                                  | 120                                 |         |
|          | Văn Phòng HĐND - UBND                                                    | 65                                  |         |
|          | Phòng Tài chính - Kế hoạch                                               | 100                                 |         |
| <b>B</b> | <b>KHỐI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP (nguồn thu sự nghiệp, thu khác được để lại)</b> | <b>263</b>                          |         |
| <b>1</b> | <b>BQL Chợ Ga</b>                                                        | <b>8</b>                            |         |
| <b>2</b> | <b>Trung tâm phát triển quỹ đất</b>                                      | <b>114</b>                          |         |
| <b>3</b> | <b>BQL dự án ĐTXD quận</b>                                               | <b>141</b>                          |         |

**TỔNG HỢP KINH PHÍ TIẾT KIỆM 5% CHI THUỜNG XUYÊN NĂM 2024**  
**- KHỎI TRƯỜNG HỌC**

ĐVT: triệu đồng      ĐVT: triệu đồng

| STT        | Đơn vị                             | Số tiết kiệm 5%<br>chi thường xuyên | Ghi chú |
|------------|------------------------------------|-------------------------------------|---------|
|            | <b>Tổng số (I+II+III+IV)</b>       | <b>743</b>                          |         |
| <b>I</b>   | <b>Mầm non</b>                     | <b>63</b>                           |         |
| 1          | Trường Mẫu giáo Sao Sáng 1         | 5                                   |         |
| 2          | Trường Mẫu giáo Sao Sáng 2         | 5                                   |         |
| 3          | Trường Mẫu giáo Sao Sáng 3         | 6                                   |         |
| 4          | Trường Mẫu giáo Sao Sáng 4         | 5                                   |         |
| 5          | Trường Mẫu giáo Sao Sáng 5         | 5                                   |         |
| 6          | Trường Mẫu giáo Sao Sáng 6         | 5                                   |         |
| 7          | Trường Mẫu giáo Sao Sáng 7         | 5                                   |         |
| 8          | Trường Mẫu giáo Sao Sáng 8         | 5                                   |         |
| 9          | Trường Mầm non Đồng Tâm            | 5                                   |         |
| 10         | Trường Mầm non 20/10               | 5                                   |         |
| 11         | Trường Mầm non 8/3                 | 6                                   |         |
| 12         | Trường Mầm non Sao Biển            | 6                                   |         |
| <b>II</b>  | <b>Tiểu học</b>                    | <b>369</b>                          |         |
| 1          | Trường Tiểu học Nguyễn Thượng Hiền | 42                                  |         |
| 2          | Trường Tiểu học Nguyễn Khuyến      | 16                                  |         |
| 3          | Trường Tiểu học Nguyễn Trãi        | 45                                  |         |
| 4          | Trường Tiểu học Nguyễn Du          | 44                                  |         |
| 5          | Trường Tiểu học Lê Hồng Phong      | 31                                  |         |
| 6          | Trường Tiểu học Thái Phiên         | 45                                  |         |
| 7          | Trường Tiểu học Chu Văn An         | 43                                  |         |
| 8          | Trường Tiểu học Quang Trung        | 40                                  |         |
| 9          | Trường Tiểu học Kim Đồng           | 23                                  |         |
| 10         | Trường Tiểu học Đặng Giang         | 19                                  |         |
| 11         | Trường Tiểu học Trần Quốc Toản     | 21                                  |         |
| <b>III</b> | <b>THCS</b>                        | <b>300</b>                          |         |
| 1          | Trường THCS Lý Tự Trọng            | 30                                  |         |
| 2          | Trường THCS Lạc Viên               | 40                                  |         |
| 3          | Trường THCS Quang Trung            | 25                                  |         |
| 4          | Trường THCS Chu Văn An             | 65                                  |         |
| 5          | Trường THCS Lê Hồng Phong          | 45                                  |         |
| 6          | Trường THCS An Đà                  | 30                                  |         |
| 7          | Trường THCS Đà Nẵng                | 65                                  |         |
| <b>IV</b>  | <b>TT GDNN và GDTX</b>             | <b>11</b>                           |         |

